

Số: **546**/BC-UBND

TP. Hà Giang, ngày **02** tháng 6 năm 2020

BÁO CÁO
Công tác Cải cách hành chính 6 tháng đầu năm
và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2020

Căn cứ Công văn 3589/UBND-TH ngày 26/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về việc xây dựng kế hoạch, báo cáo cải cách hành chính.

Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo kết quả công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2020 cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

Để triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành các văn bản¹. Trên cơ sở đó, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị xã, phường tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, bám sát các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đồng thời, cụ thể hóa thành kế hoạch thực hiện của từng cơ quan, đơn vị xã, phường.

2. Công tác tuyên truyền

Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Kế hoạch số 161/KH-UBND ngày 06/02/2020 về tuyên truyền cải cách hành chính năm 2020. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trên Trang thông tin điện tử, hệ thống loa FM tại các xã, phường, qua các cuộc họp cơ quan, thôn, tổ dân phố, trong đó tập trung tuyên truyền các văn bản chỉ đạo của Trung ương, tỉnh, thành phố, kết quả tuyên truyền². Đặc biệt năm

¹ Kế hoạch số 1624/KH-UBND ngày 08/11/2019 về cải cách hành chính Nhà nước năm 2020; Kế hoạch số 1788/KH-UBND ngày 09/12/2019 về đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC thành phố và CBCC xã, phường năm 2020; Kế hoạch số 161/KH-UBND ngày 06/02/2020 về tuyên truyền cải cách hành chính năm 2020; Chương trình 1924/Ctr-UBND ngày 31/12/2019 Chương trình hành động thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020; Kế hoạch số 1862/KH-UBND ngày 23/12/2019 về điều tra xã hội học xác định chỉ số cải cách hành chính các xã, phường năm 2019; Quyết định số 4273/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 về thành lập Hội thẩm định và Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định đánh giá kết quả cải cách hành chính các xã, phường năm 2019; Quyết định số 4274/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 về thành lập Tổ điều tra xã hội học cải cách hành chính xã, phường năm 2019; Quyết định số 4275/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 về thành lập Hội đồng nghiệm thu kết điều tra xã hội học cải cách hành chính xã, phường năm 2019; Báo cáo kết quả thực hiện đột phá về cải cách hành chính, xây dựng nền công vụ hiệu lực, hiệu quả. Ban hành Quyết định số 3560/QĐ-UBND ngày 18/11/2019 Quy định đánh giá chỉ số cải cách hành chính của các xã, phường. Kế hoạch số 376/KH-UBND ngày 13/3/2020 Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2020. Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 13/3/2020 về việc kiện toàn Hội đồng thẩm định và tổ giúp việc Hội đồng thẩm định, đánh giá kết quả cải cách hành chính các xã, phường năm 2019. Báo cáo số 213/BC-UBND ngày 23/3/2020 Báo cáo kết quả xác định chỉ số cải cách hành chính năm 2019 của UBND các xã, phường trên địa bàn thành phố. Quyết định số 898/QĐ-UBND ngày 23/3/2020 về Công bố chỉ số cải cách hành chính năm 2019 của UBND các xã, phường trên địa bàn thành phố. Xây dựng kế hoạch số 372 /KH-UBND ngày 12/3/2020 Kế hoạch tổng kết chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2010-2020; Báo cáo số 335/BC-UBND ngày 20/4/2020 về Báo cáo tổng kết chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2010-2020.

² Trên hệ thống truyền thanh của Thành phố: 4 tin, 2 bài; Trên trang địa phương thành phố: 2 tin, 2 bài; Trên trang thông tin điện tử thành phố: 4 tin, 2 bài, đăng tải 07 văn bản về cải cách hành chính.

2020 trang thông tin điện tử thành phố đã lập một chuyên mục cải cách hành chính để truyền tải các văn bản chỉ đạo điều hành của UBND thành phố liên quan đến công tác cải cách hành chính trên địa bàn thành phố. Qua đó đội ngũ cán bộ công chức, viên chức và nhân dân nắm bắt và hiểu sâu hơn về mục đích, ý nghĩa, chương trình, kế hoạch cải cách hành chính.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện³. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, phường thường xuyên rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do HĐND-UBND thành phố và xã, phường ban hành đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

Chỉ đạo Hội đồng phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật thành phố xây dựng kế hoạch và biên soạn đề cương tổ chức tuyên truyền, PBGDPL đợt 1 năm 2020 trên địa bàn thành phố. Kết quả, đã tổ chức tuyên truyền 02 văn bản pháp luật được 45 buổi với 3.214 lượt người tham gia. Tuyên truyền qua hệ thống truyền thanh FM xã, phường đến các thôn, tổ dân phố được 24 lần.

Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tổ chức quán triệt, tuyên truyền cho cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan các văn bản pháp luật mới ban hành, các văn bản pháp luật liên quan đến thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của đơn vị thông qua các buổi họp cơ quan.

2. Cải cách thủ tục hành chính

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch số 194/KH-UBND ngày 13/02/2020 về Hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính năm 2020. Chỉ đạo triển khai các biện pháp thực hiện tốt công tác tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong thời gian thực hiện Chỉ thị số 15, 16 của Thủ tướng Chính phủ về phòng chống dịch Covid- 19 đảm bảo an toàn.⁴

³ Kế hoạch số 209/KH-UBND ngày 18/02/2020 về kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 trên địa bàn thành phố Hà Giang; Kế hoạch số 156/KH-UBND ngày 18/02/2020 về Kiểm tra rà soát văn bản QPPL năm 2020; Kế hoạch số 211/KH-UBND ngày 18/2/2020 về thi hành pháp luật về xử lý hành chính năm 2020 trên địa bàn thành phố; Kế hoạch số 260/KH-HĐPH về Kế hoạch phổ biến tuyên truyền pháp luật tháng 3 năm 2020 của Hội đồng phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật thành phố, triển khai tuyên truyền Nghị định 100/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt.

⁴ Công văn số 516/UBND-VP ngày 31/3/2020 của UBND thành phố về việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC và phòng chống dịch bệnh SARS-COV-2 tại bộ phận một cửa; Công văn số 530/UBND-VP ngày 01/4/2020 của UBND thành phố về việc triển khai tại bộ phận một cửa; Công văn số 633/UBND-VP ngày 16/4/2020 của UBND thành phố về việc triển khai các biện pháp phòng chống dịch trong việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại bộ phận một cửa; Công văn số 889/UBND-VP ngày 21/5/2020 của UBND thành phố về việc chấn chỉnh việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC).

Chỉ đạo các phòng ban, cơ quan, đơn vị; Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thành phố và xã, phường niêm yết công khai 100% thủ tục hành chính được giải quyết theo thẩm quyền trên Trang thông tin điện tử của thành phố; Bộ phận một cửa. Trong đó, số thủ tục hành chính công khai tại Bộ phận Một cửa thành phố là **304 TTHC/65** lĩnh vực; Bộ phận Một cửa các xã, phường là **167 TTHC/25** lĩnh vực.

Thường xuyên rà soát cập nhật, bổ sung những quy định mới về thủ tục hành chính, đề nghị cấp có thẩm quyền công bố mới, công bố bổ sung đồng thời bãi bỏ quy định không còn phù hợp; thực hiện tốt việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính, hành vi hành chính để kịp thời hỗ trợ, giải quyết các vướng mắc trong quá trình giao dịch giải quyết các thủ tục hành chính của tổ chức, cá nhân và giám sát việc thực hiện thủ tục hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước thuộc thành phố.

Chỉ đạo các phòng, ban, cơ quan, đơn vị thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện tốt công tác phối hợp trong giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân. Qua đó nhiều thủ tục hành chính được giải quyết, nhanh gọn, giải quyết ngay tạo thuận lợi cho cá nhân và tổ chức khi thực hiện các giao dịch như: Thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Tư pháp, Quản lý đô thị, Tài nguyên Môi trường.....

Kịp thời chấn chỉnh các phòng, ban cơ quan đơn vị thành phố và UBND các xã phường trong việc triển khai công tác cải cách hành chính đặc biệt là việc giải quyết các thủ tục hành chính trong đó xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu trong việc chỉ đạo thường xuyên đôn đốc các phòng ban trong việc giải quyết các hồ sơ quá hạn...

Thường xuyên chỉ đạo Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thành phố và xã, phường bố trí “hòm thư góp ý” và công khai số điện thoại “đường dây nóng” để tiếp thu ý kiến phản ánh của tổ chức, công dân trong quá trình giao dịch, giải quyết các thủ tục hành chính được thuận lợi.

3. Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

a) Rà soát vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, biên chế của cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc

Ban hành Quyết định kiện toàn Ban quản lý Dự án “Chương trình phát triển đô thị loại II (các đô thị xanh) – tiểu dự án tại Hà Giang; Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn hoàn thiện các Quy trình chuyển đổi mô hình Ban quản lý Chợ trên địa bàn thành phố, xây dựng Đề án tổ chức lại Văn phòng Điều phối nông thôn mới thành phố Hà Giang và xây dựng Phương án thành lập Tổ trật tự đô thị thành phố theo Kết luận của Ban thường vụ Thành ủy.

Công tác quản lý và sử dụng biên chế được Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện theo đúng quy định. Năm 2020, thành phố được giao khối QLNN là 90 biên chế công chức và 05 HĐ68, thực hiện 79 biên chế và 06 HĐ68. Sự nghiệp Văn hoá và sự nghiệp khác được giao 35 chỉ tiêu và 01 HĐ68, thực hiện 32 chỉ

tiêu và 01HĐ 68. Các tổ chức Hội đặc thù giao 08, thực hiện 08 chỉ tiêu; sự nghiệp giáo dục giao 936 chỉ tiêu và và 7HĐ68, thực hiện 936 chỉ tiêu và 6HĐ68.

b) Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

- Việc sửa đổi, bổ sung quy chế hoạt động, kiện toàn, bố trí nhân sự của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả

Chỉ đạo Văn phòng HĐND-UBND thành phố và UBND các xã, phường thực hiện tốt việc tiếp công dân tại Bộ phận tiếp nhận & trả kết quả, nâng cao chất lượng phục vụ, thái độ của công chức khi thực thi công vụ; quan tâm chú trọng việc sắp xếp bố trí nhân sự của Bộ phận tiếp nhận & trả kết quả theo quy định phù hợp với vị trí việc làm và yêu cầu nhiệm vụ trong việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Đội ngũ công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thành phố có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn, hiểu biết chính sách, pháp luật, nắm vững các yêu cầu về hồ sơ và có khả năng hướng dẫn công dân trong quá trình giao dịch được thành phố lựa chọn, điều động biệt phái từ các cơ quan chuyên môn của thành phố đến công tác tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thành phố đến nay số người làm việc tại Bộ phận một cửa của thành phố là 10 người trong đó: 01 đồng chí Phó văn phòng HĐND- UBND thành phố phụ trách bộ phận một cửa; 01 công chức Quản lý đô thị; 01 công chức thuế; 01 viên chức Văn phòng ĐKĐĐ chi nhánh thành phố; 04 cán bộ chiến sỹ công an thành phố và 03 lao động hợp đồng 68.

- Việc đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; diện tích, trang thiết bị

Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thành phố và các xã, phường được quan tâm đầu tư đảm bảo theo đúng quy định, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức và cá nhân đến giao dịch cụ thể đối với cấp thành phố được bố trí diện tích sử dụng là 150m²; cấp xã phường tối thiểu là 40m².

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 vào quy trình giải quyết TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông

Thường xuyên rà soát, phối hợp và đề xuất với Văn phòng Đoàn ĐBQH-HĐND-UBND tỉnh khắc phục những hạn chế, lỗi phần mềm điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính để nâng cao chất lượng hoạt động của Bộ phận một cửa thành phố và các xã, phường.

- Việc thực hiện chế độ phụ cấp, các chế độ đãi ngộ khác đối với công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả

Hàng tháng công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thành phố được Ủy ban nhân dân thành phố hỗ trợ thêm 300.000đ/người/tháng

- Tình hình thực hiện cơ chế một cửa tại các xã, phường

Hiện nay 8/8 xã, phường đã triển khai thực hiện cơ chế một cửa. Bộ phận Tiếp nhận & Trả kết quả các xã, phường tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông là 167 TTHC/25 lĩnh vực.

Tại các xã, phường Chủ tịch UBND trực tiếp phụ trách và chỉ đạo Bộ phận một cửa. Phân công 04 công chức tiếp nhận và giải quyết các TTHC cho tổ chức, công dân tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả.

- Kết quả giải quyết hồ sơ cho tổ chức, công dân, doanh nghiệp thông qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả

Trong 6 tháng đầu năm 2020 (đến 20/05/2020) tổng số hồ sơ tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND-UBND thành phố) là 7291 hồ sơ; đã giải quyết là 5385 chiếm 73.85% (trong đó trước và đúng hạn 5001 hồ sơ chiếm 92.86%); đang giải quyết là 1905 hồ sơ chiếm 26%; hồ sơ trả chậm 141 hồ sơ chiếm 1.93% (có biểu chi tiết kèm theo).

Kết quả tiếp nhận và giải quyết tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả các xã, phường là 12.640 hồ sơ đã giải quyết đúng hạn 12.640 hồ sơ đạt 100%.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

a) Xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức

Hiện nay 100% cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp có cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm và thực hiện cơ cấu công chức theo vị trí việc làm.

b) Về công chức xã, phường

Việc bầu cử, phê chuẩn cán bộ xã, phường được thực hiện đúng tiêu chuẩn, quy định, phê chuẩn các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND phường Ngọc Hà; Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND xã Ngọc Đường; và Phó chủ tịch UBND phường Trần phú; bố trí các chức danh công chức phù hợp với trình độ chuyên môn được đào tạo; việc quản lý, sử dụng công chức được thực hiện tốt, đảm bảo đúng quy định, các chế độ, chính sách được thực hiện kịp thời.

Đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã luôn được quan tâm, củng cố kiện toàn kịp thời cả về số lượng và chất lượng. Hiện nay số lượng cán bộ, công chức xã, phường đang thực hiện là 166/165 người (80 cán bộ, 85 công chức); trình độ Thạc sỹ: 9 người = 5,5%, Đại học: 142 người = 86 %; Cao đẳng: 06 người = 3,7%; Trung cấp: 8 người = 4,8% (do đặc thù ngành quân sự).

c) Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức

Ủy ban nhân dân thành phố đã quán triệt đến các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm túc quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức; công tác đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức hàng năm thực hiện đúng quy định; gắn kết quả đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, công chức với công tác bình xét thi đua khen thưởng.

Việc bố trí sử dụng, bổ nhiệm và thực hiện các chế độ, chính sách khác đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo đúng quy định. UBND thành

phổ rà soát, sắp xếp bố trí công chức đảm bảo phù hợp giữa trình độ chuyên môn gắn với vị trí việc làm theo Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt; chế độ chính sách tiền lương và các chế độ khác đối với đội ngũ CBCCVC đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng, trong 6 tháng đầu năm thực hiện nâng lương trước thời hạn năm 2020 cho 120 CBCCVC, nâng lương thường xuyên Quý I năm 2020 cho 70 trường hợp, nâng phụ cấp thâm niên nghề 165 trường hợp, xếp hưởng phụ cấp thâm niên nghề đối với ban chỉ huy cấp xã cho 09 trường hợp, chuyển ngạch lương cho công chức cấp xã 01 trường hợp. Công tác theo dõi, rà soát bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện đúng quy trình và thời gian quy định, đã bổ nhiệm mới 02 trường hợp, bổ nhiệm lại 02 trường hợp; Xây dựng kế hoạch và thực hiện chuyển đổi vị trí công tác theo Nghị định 158/2007/NĐ-CP của Chính phủ đối với 04 trường hợp; Quyết định 02 trường hợp nghỉ theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ; Quyết định 04 trường hợp nghỉ theo Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND.

Triển khai đánh giá phân loại CBCC năm 2019, kết quả phân loại đánh giá cán bộ, công chức, viên chức:

Tổng số cán bộ, công chức được đánh giá: 284, trong đó: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 67/284 chiếm tỷ lệ 23.6%; Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 206/284 chiếm tỷ lệ 72.5%; Hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực: 10/284 chiếm tỷ lệ 3.5%; Không hoàn thành nhiệm vụ: 01/284 chiếm tỷ lệ 0.4%.

Tổng số viên chức các đơn vị sự nghiệp được đánh giá: 959, trong đó: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 177/959 chiếm tỷ lệ 18.4%; Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 721/959 chiếm tỷ lệ 75.2%; Hoàn thành nhiệm vụ: 60/959 chiếm tỷ lệ 6.3%; Không hoàn thành nhiệm vụ: 01/959 chiếm tỷ lệ 0.1%.

Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 834/KH-UBND ngày 14/6/2019 về đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức thành phố năm 2019, 2020; Kế hoạch số 785/KH-UBND ngày 06/6/2019 thực hiện Đề án văn hóa công vụ trên địa bàn thành phố Hà Giang. Tăng cường kỷ luật kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của cán bộ công chức, viên chức, chỉ đạo các phòng, ban, UBND xã, phường thường xuyên quán triệt cán bộ, công chức, viên chức thực hiện tốt các quy định về văn hóa công sở, quy tắc ứng xử, nhất là đối với cán bộ trực tiếp thực thi nhiệm vụ ở những vị trí “nhạy cảm” trực tiếp giao dịch, tiếp xúc giải quyết công việc liên quan đến người dân, doanh nghiệp; thực hiện nghiêm yết công khai tại trụ sở làm việc cơ quan, đơn vị những việc được làm và không được làm đối với CBCCVC, chấp hành nghiêm túc thời gian làm việc, nâng cao ý thức trách nhiệm thực thi công vụ.

d) Công tác đào tạo bồi dưỡng

Ủy ban nhân dân thành phố đã xây dựng kế hoạch số 1788/KH-UBND ngày 09/12/2019 về Đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2020; Công văn số 300/UBND-TCNV ngày 26/02/2020 về việc đăng ký bồi dưỡng Ban quản

lý phát triển thôn; Công văn số 283/UBND-NV ngày 25/2/2020 về việc đăng ký đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức viên chức năm 2020.

5. Cải cách tài chính công

a) Tình hình triển khai các chính sách cải cách về thuế, thu nhập, tiền lương, tiền công và các chính sách an sinh xã hội

UBND thành phố đã ban hành các văn bản triển khai thực hiện⁵ công khai dự toán thu, chi ngân sách thành phố đúng quy định và phân cấp quản lý tài chính và ngân sách đúng quy định pháp luật; bảo đảm quyền quyết định ngân sách địa phương của HĐND các cấp. Trong đó, đặc biệt quan tâm phân cấp nguồn thu gắn với nhiệm vụ chi; mua sắm tài sản, quyết định đầu tư từ nguồn vốn thuộc ngân sách nhà nước; thực hiện giao ngân sách theo Nghị quyết số 55/2016/NQ-HĐND ngày 11/12/2016 của HĐND tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách; Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND ngày 11/12/2016 của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương, thực hiện chi đúng, chi đủ theo chế độ quy định, các cấp ngân sách quản lý chặt chẽ, sử dụng đúng mục đích ngân sách dự phòng.

Triển khai nhiệm vụ thu ngân sách đúng quy định, ban hành Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 31/12/2019 về tăng cường giải pháp thu ngân sách Nhà nước năm 2020 trên địa bàn thành phố.

- Tiếp tục thực hiện phân cấp mạnh nguồn thu, tỷ lệ phân chia giữa các cấp ngân sách địa phương theo Nghị quyết số 115/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Hà Giang kèm theo Nghị quyết số 55/2016/NQ-HĐND ngày 11/12/2016, giành phần lớn nguồn thu thực hiện điều tiết ngay cho cấp chính quyền tổ chức thu ngân sách, nâng cao tính chủ động trong quản lý và sử dụng nguồn thu đáp ứng yêu cầu chi ngay tại đơn vị và xã, phường.

- Triển khai và vận hành tốt dự án hiện đại hóa quy trình thu nộp ngân sách nhà nước giữa các ngành Thuế, Kho bạc, Tài chính và với hệ thống ngân hàng tạo điều kiện cho các đối tượng nộp thuế.

- Thu nhập, tiền lương, tiền công và chính sách an sinh xã hội: Thực hiện đúng các quy định hiện hành về tiền lương, tiền công đối với công chức, viên chức theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 19/5/2019 của Chính phủ.

b) Thực hiện đổi mới cơ chế quản lý đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập

⁵ Báo cáo số 18/BC-UBND ngày 08/01/2020 về việc công khai thực hiện dự toán ngân sách thành phố năm 2020; Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 07/01/2020 V/v công bố công khai số liệu dự toán ngân sách Nhà nước và phân bổ ngân sách năm 2020 đã được HĐND thành phố Quyết định; Báo cáo số 314/BC-UBND ngày 15/4/2020 về công khai thực hiện dự toán thu, chi ngân sách thành phố quý I năm 2020 theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn công khai ngân sách nhà nước.

- Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005.

Ngay từ đầu năm đã chỉ đạo 100% cơ quan xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý tài sản công, ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm.

Chỉ đạo cơ quan chuyên môn hướng dẫn các đơn vị xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ và Quy chế quản lý tài sản công và điều hành kinh phí theo dự toán được giao trên tinh thần thực hành tiết kiệm.

Số đơn vị thực hiện tự chủ và xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và Quy chế quản lý tài sản công: 33/33 đơn vị đạt 100%.

- Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế, tài chính theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 và Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

Ngay từ đầu năm, 100% đơn vị đã xây dựng quy chế đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm và xây dựng quy chế quản lý tài sản công. Số đơn vị xây dựng quy chế đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm và quy chế quy chế quản lý tài sản công: 40/40 đơn vị, đạt 100%. Số đơn vị sự nghiệp do NSNN đảm bảo toàn bộ: 40/40 đơn vị đạt 100%.

Các cơ quan, đơn vị thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm đã triển khai nhiều biện pháp để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và sử dụng kinh phí được giao đúng mục đích, có hiệu quả. Việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ được thực hiện nghiêm túc ở các cơ quan, đơn vị. Phát huy tinh thần trách nhiệm của từng cán bộ, công chức, qua đó tiết kiệm chi phí hành chính, góp phần cải thiện thu nhập cho cán bộ, công chức.

6. Hiện đại hóa hành chính

a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính.

Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính⁶. Phối

⁶ Kế hoạch số 392/KH-UBND ngày 16/3/2020 của UBND thành phố V/v ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước thành phố Hà Giang năm 2020. Công văn số 424/UBND-VHTT ngày 18/3/2020 của UBND thành phố V/v rà soát, thống kê tổng hợp trang thiết bị máy vi tính năm 2020; Công văn số 490/UBND-VHTT ngày 27/3/2020 của UBND thành phố V/v chấn chỉnh việc trao đổi thông tin trên mạng xã hội Zalo, Facebook.; Công văn số 726/UBND-VHTT ngày 29/4/2020 của UBND thành phố V/v triển khai ứng dụng phần mềm Bluezome phòng, chống dịch covid-19; Công văn số 826/UBND-VHTT ngày 18/5/2020 của UBND thành phố V/v cảnh báo nguy cơ tấn công APT vào các cơ quan tổ chức Việt Nam; Quyết định 845/QĐ-BCĐCQĐT ngày 16/3/2020 của UBND thành phố V/v ban hành quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo Chính quyền điện tử thành phố Hà Giang; Quyết định 1333/QĐ-UBND ngày 06/5/2020 của UBND thành phố V/v thành lập Ban chỉ đạo Chính quyền điện tử thành phố Hà Giang; Phương án 123/PA-UBND ngày 03/02/2020 phương án thay thế, lắp đặt hệ thống truyền thanh không dây (FM internet) phục vụ tuyên truyền Đại hội Đảng các cấp trên địa bàn thành phố Hà Giang; Quyết định số 972/QĐ-UBND ngày 9/4/2020 của UBND thành phố V/v ban hành quy chế hoạt động của Ban biên tập trang thông tin điện tử thành phố Hà Giang.

hợp với Sở thông tin và truyền thông, Viễn thông Hà Giang, Viettel triển khai chữ số trên sim điện thoại tới các phòng, ban, đơn vị và UBND các xã, phường với 41 cá nhân. Hiện nay số chứng thư đã cấp cho các tổ chức và chữ ký số cá nhân thuộc các cơ quan đơn vị và UBND các xã, phường trên địa bàn thành phố là 113 thiết bị; 100% chứng thư số được triển khai thực hiện tại các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, phường (*Ban chỉ huy Quân sự và Công an thành phố đã đăng ký cấp chữ ký số áp dụng cho các văn bản thông thường*). Trong 6 tháng đầu năm đã rà soát, tổng hợp quản lý đối với chữ ký số cần gia hạn cho 14 cá nhân, cấp mới cho 6 cá nhân và 01 tổ chức.

Công tác quản lý chứng thư số, chữ ký số được tiến hành đảm bảo theo quy trình; việc quản lý, cấp mới, cấp lại, gia hạn thiết bị chữ ký số (USB Token) bảo đảm tuân thủ quy định theo hướng dẫn của Sở Thông tin & Truyền thông tỉnh;

Việc sử dụng chữ ký số đã đảm bảo an toàn cho các giao dịch điện tử, tạo được môi trường làm việc hiện đại, tiết kiệm thời gian và chi phí; nâng cao hiệu quả công việc, tăng tính công khai minh bạch trong quản lý điều hành; góp phần tích cực trong việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách hành chính và chính phủ điện tử. Thường xuyên cập nhập, theo dõi tình hình cấp mới, gia hạn và hướng dẫn sử dụng, bảo quản chữ ký số cho các đơn vị. Đến nay cơ bản các đơn vị đã áp dụng chữ ký số trên các văn bản thông thường (*trừ văn bản mật*) theo đúng quy định.

Thường xuyên tổ chức kiểm tra, đánh giá an toàn và an ninh thông tin tại các cơ quan, đơn vị; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị giải pháp phòng ngừa, ngăn chặn việc để lộ, lọt thông tin, chống xâm nhập, khai thác thông tin bí mật ở các cơ quan, đơn vị; phát hiện, điều tra làm rõ nguyên nhân để lộ, lọt bí mật nhà nước qua trao đổi thông tin trên mạng để xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật. Phối hợp tích cực với đội ứng cứu sự cố về an ninh mạng của tỉnh trong việc đảm bảo an toàn, an ninh thông tin.

Chỉ đạo rà soát thống kê trang thiết bị máy tính đối với các phòng, ban đơn vị và UBND các xã phường. Trên cơ sở đó tham mưu cho UBND thành phố từng bước thay thế máy tính đã cũ, hỏng, không đảm bảo cấu hình.

Chỉ đạo chấn chỉnh việc trao đổi thông tin trên mạng xã hội Zalo, Facebook; triển khai ứng dụng phần mềm Bluezome phòng, chống dịch covid-19 và cảnh báo nguy cơ tấn công APT vào các cơ quan tổ chức Việt Nam.

Trang thông tin điện tử thành phố thường xuyên được nâng cấp, khai thác và sử dụng có hiệu quả tại tên miền <http://thanhpho.hagiang.gov.vn/>. Các tin bài phản ánh các hoạt động của Tỉnh và Thành phố được cập nhật hàng ngày, đảm bảo thông tin đến cho cán bộ và người dân được nhanh chóng, chính xác và kịp thời.

b) Xây dựng, áp dụng, duy trì, mở rộng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 trong hoạt động của các cơ quan nhà nước

Trên cơ sở kết quả triển khai các kế hoạch của UBND tỉnh và Hướng dẫn của Sở KH&CN, UBND thành phố đã chỉ đạo các phòng ban chuyên môn thành

phố và UBND 8 xã, phường triển khai xây dựng, áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015; 100% các phòng ban chuyên môn và UBND các xã, phường đã áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015; Ban hành quyết định áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 gồm danh mục các tài liệu phù hợp với hệ thống quản lý chất lượng gồm: Chính sách, mục tiêu, sổ tay chất lượng; Quy trình kiểm soát tài liệu, kiểm soát hồ sơ, đánh giá nội bộ, kiểm soát sản phẩm không phù hợp và hành động khắc phục phòng ngừa; Quy trình quản lý công văn đi, đến; Quy trình giải quyết TTHC trên các lĩnh vực. Ban hành Quyết định công bố hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015. Triển khai xây dựng và áp dụng chuẩn hoá quy trình thực hiện các TTHC từ thành phố đến cơ sở phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015. Tổ chức cập nhật các thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động xử lý công việc vào hệ thống QLCL để áp dụng kịp thời khi văn bản QPPL mới có hiệu lực thi hành; rà soát và bổ sung chỉnh sửa kịp thời đối với các TTHC đảm bảo phục vụ hiệu quả nhu cầu của nhân dân trên địa bàn.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2020

1. Chỉ đạo và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật; thực hiện tốt công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật từ thành phố đến xã, phường.

2. Thành lập Đoàn kiểm tra công tác CCHC năm 2020 đối với các xã, phường; tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức thành phố và cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách xã, phường, thôn, tổ dân phố và các tổ chức hội. Xây dựng Đề án và tổ chức lại Văn phòng điều phối nông thôn mới thành phố Hà Giang và chuyển đổi mô hình Ban quản lý chợ theo chỉ đạo của tỉnh. Ban hành Quy định đánh giá kết quả cải cách hành chính các xã, phường trên địa bàn thành phố.

3. Tăng cường công tác rà soát, đánh giá thủ tục hành chính để kịp thời đề nghị bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung và đơn giản hóa các thủ tục hành chính theo hướng tạo thuận tiện cho người dân, doanh nghiệp. Nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước.

4. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện hiệu quả cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ tại các cơ quan, đơn vị; quản lý ngân sách đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả. Tăng cường công tác kiểm tra tài chính của UBND các phường, xã; các cơ quan, đơn vị; thực hiện đúng các quy định về việc thu - chi và quản lý các loại phí theo quy định. Thực hiện, công khai quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn theo quy định. Xây dựng kế hoạch điều tra xã hội học phục vụ đánh giá chỉ số CCHC các xã, phường và chỉ đạo tự đánh giá chấm điểm chỉ số cải cách hành chính năm 2020 của thành phố và các xã, phường đảm bảo chất lượng và đúng thời gian quy định.

5. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý, điều hành từ thành phố đến xã, phường; mở rộng và áp dụng có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn thành phố. Phối hợp với các Sở ngành của tỉnh trong công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực công nghệ thông tin theo hướng phát triển năng lực tiếp cận, khả năng thích ứng với môi trường liên tục thay đổi và phát triển; tăng cường kỹ năng số và ngoại ngữ tối thiểu ứng dụng công nghệ; Khuyến khích các mô hình giáo dục, đào tạo dựa trên nền tảng số vào các trường học.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố./. *JB*

Nơi nhận:

- Ban Tổ chức - Nội vụ tỉnh;
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Văn phòng HĐND-UBND TP;
- Ban Tổ chức – Nội vụ TP;
- Lưu: VT, TCNV _(2b). *lh*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Danh Hùng

KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA QUÝ II NĂM 2020
(Kèm theo Báo cáo số **546/BC-UBND** ngày **12/06/2020** của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Giang)

Phụ lục số 11

Phụ lục số 11																				
Kết quả giải quyết																				
STT	Tên lĩnh vực công việc thực hiện giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông	Tổng	Kỳ trước chuyển qua	Tiếp nhận trong Quý	Số hồ sơ đã giải quyết										Hồ sơ đang giải quyết					
					Tổng số	Trả trước hạn	Trả đúng hạn	Trả chậm		Tổng số hồ sơ trả lại				Tổng số				Chưa đến hạn	Quá hạn	Lý do
								Tổng số	Lý do	Tổng số	HS bị từ chối	HS YCBS	Lý do							
1	2	3=4+5	4	5	6=7+8+9+11	7	8	9	10	11=12+13	12	13	14	15=16+17	16	17	18			
	Tổng I+II	19.931	3.508	17.313	18.025	2.599	15.042	384	0	0	0	0	0	1.905	1.764	141				
I	Thành phố	7.291	2.618	4.673	5.385	2.599	2.402	384	0	0	0	0	0	1.905	1.764	141				
1	An toàn đập, hồ chứa thủy điện	0	0	0	0	0	0	0		0	0	0		0	0	0				
2	An toàn lao động	0	0	0	0	0	0	0		0	0	0		0	0	0				
3	Quản lý biên chế	0	0	0	0	0	0	0		0	0	0		0	0	0				
4	Kinh tế biên mậu	0	0	0	0	0	0	0		0	0	0		0	0	0				
5	Bảo trợ xã hội	315	202	113	93	25	66	2		0	0	0		222	216	6				
6	Bồi thường nhà nước	0	0	0	0	0	0	0		0	0	0		0	0	0				
7	Chung	0	0	0	0	0	0	0		0	0	0		0	0	0				
8	An ninh trật tự	11	1	10	10	8	0	2		0	0	0		1	1	0				
9	Đăng ký hộ khẩu thường trú	1041	50	991	954	757	147	50		0	0	0		87	70	17				
10	Cấp chứng minh nhân dân	805	27	778	774	575	194	5		0	0	0		31	23	8				
11	Người có công	79	38	41	31	18	10	3		0	0	0		47	40	7				
12	Địa giới hành chính, Xây dựng chính quyền cơ sở	0	0	0	0	0	0	0		0	0	0		0	0	0				
13	Chứng thực	1	0	1	1	0	0	1		0	0	0		0	0	0				
14	Đất đai	0	0	0	0	0	0	0		0	0	0		0	0	0				
15	Tiền lương	0	0	0	0	0	0	0		0	0	0		0	0	0				

Hồ sơ có tính chất phức tạp phối hợp nhiều cơ quan...



Kết quả giải quyết																		
Số hồ sơ đã giải quyết										Hồ sơ đang giải quyết								
Hồ sơ cần giải quyết		Tổng	Kỳ trước chuyển qua	Tiếp nhận trong Quý	Tổng số	Trả trước hạn	Trả đúng hạn	Trả chậm		Tổng số hồ sơ trả lại				Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	Lý do	
								Tổng số	Lý do	Tổng số	HS bị từ chối	HS YCBS	Lý do					
1	2	3=4+5	4	5	6=7+8+9+11	7	8	9	10	11=12+13	12	13	14	15=16+17	16	17	18	
16	Việc làm	0	0	0	0	0	0	0	Hồ sơ có tính chất phức tạp phối hợp nhiều cơ quan..	0	0			0	0	0		
17	Giáo dục nghề nghiệp	0	0	0	0	0	0	0		0	0				0	0	0	
18	Hoạt động xây dựng	456	43	413	391	235	77	79		0	0	0			65	57	8	
19	Hòa giải cơ sở	0	0	0	0	0	0	0		0	0	0			0	0	0	
20	Công thương	0	0	0	0	0	0	0		0	0	0			0	0	0	
21	Thành lập Hội	0	0	0	0	0	0	0		0	0	0			0	0	0	
22	Hộ tịch	114	73	41	112	84	20	8		0	0	0			2	2	0	
23	Kinh tế tập thể	0	0	0	0	0	0	0		0	0	0			0	0	0	
24	Kinh tế cá thể	0	0	0	0	0	0	0		0	0	0			0	0	0	
25	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	0	0	0	0	0	0	0		0	0	0			0	0	0	
26	Lâm nghiệp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			0	0	0		
27	Lưu thông hàng hóa trong nước	21	5	16	20	7	1	12	0	0	0			0	0	0		
28	Môi trường	23	18	5	4	2	2	0	0	0	0			19	12	7		
29	Tín ngưỡng, tôn giáo	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			0	0	0		
30	Luật	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			0	0	0		
31	Quy hoạch - kiến trúc	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			0	0	0		
32	Công nghiệp địa phương	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			0	0	0		
33	Kinh doanh khí	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0			1	1	0		
34	Thuốc lá	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			0	0	0		
35	Giáo dục và Đào tạo	1	0	1	1	1	0	0	0	0	0			0	0	0		
36	Đường thủy nội địa	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			0	0	0		

88



STT		Tên lĩnh vực công việc thực hiện giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông	Hồ sơ cần giải quyết			Kết quả giải quyết										Hồ sơ đang giải quyết			
			Tổng	Kỳ trước chuyển qua	Tiếp nhận trong Quý	Tổng số	Trả trước hạn	Trả đúng hạn	Trả chậm		Tổng số hồ sơ trả lại			Tổng số	Chưa đến hạn				
1	2		3=4+5	4	5	6=7+8+9+11	7	8	9	10	11=12+13	12	13	14	15=16+17	16	17	18	
37	Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh		321	21	300	304	266	29	9		0	0	0		17	1	16		
38	Thành lập và hoạt động của hợp tác xã		8	0	8	8	7	1	0		0	0	0		0	0	0		
39	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất		1359	1249	110	568	291	175	102		0	0	0		791	740	51		
40	Tài nguyên nước		0	0	0	0	0	0	0		0	0	0		0	0	0		
41	Thông tin điện tử		5	1	4	5	3	0	2		0	0	0		0	0	0		
42	Xuất bản		0	0	0	0	0	0	0		0	0	0		0	0	0		
43	Du lịch		0	0	0	0	0	0	0		0	0	0		0	0	0		
44	Gia đình		0	0	0	0	0	0	0		0	0	0		0	0	0		
45	Lễ hội		0	0	0	0	0	0	0		0	0	0		0	0	0		
46	Thư viện		0	0	0	0	0	0	0		0	0	0		0	0	0		
47	Văn hóa		0	0	0	0	0	0	0		0	0	0		0	0	0		
48	Văn hóa cơ sở		0	0	0	0	0	0	0		0	0	0		0	0	0		
49	An toàn thực phẩm		0	0	0	0	0	0	0		0	0	0		0	0	0		
50	Dân số		0	0	0	0	0	0	0		0	0	0		0	0	0		
51	Quản lý Giá - Công sản		0	0	0	0	0	0	0		0	0	0		0	0	0		
52	Thi đua, khen thưởng		0	0	0	0	0	0	0		0	0	0		0	0	0		
53	Trẻ em và bình đẳng giới		0	0	0	0	0	0	0		0	0	0		0	0	0		
54	Tôn giáo		0	0	0	0	0	0	0		0	0	0		0	0	0		
55	Lao động, tiền lương		0	0	0	0	0	0	0		0	0	0		0	0	0		
56	Phòng chống tệ nạn xã hội		0	0	0	0	0	0	0		0	0	0		0	0	0		

Hồ sơ có tính chất phức tạp phối hợp nhiều cơ quan..

88

Hồ sơ cần giải quyết		Kết quả giải quyết												Hồ sơ đang giải quyết			
STT	Tên lĩnh vực công việc thực hiện giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông	Tổng	Kỳ trước chuyển qua	Tiếp nhận trong Quý	Tổng số	Trả trước hạn	Trả đúng hạn	Trả chậm		Tổng số hồ sơ trả lại				Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	Lý do
								Tổng số	Lý do	Tổng số	HS bị từ chối	HS YCBS	Lý do				
1	2	3=4+5	4	5	6=7+8+9+11	7	8	9	10	11=12+13	12	13	14	15=16+17	16	17	18
57	Hành chính tư pháp	0	0	0	0	0	0	0	Hồ sơ có tính chất phức tạp phối hợp nhiều cơ quan..	0	0	0		0	0	0	
58	Công an thành phố	0	0	0	0	0	0	0		0	0	0		0	0	0	
59	Khiếu nại, tố cáo	0	0	0	0	0	0	0		0	0	0		0	0	0	
60	Phòng, chống tham nhũng	0	0	0	0	0	0	0		0	0	0		0	0	0	
61	Khiếu nại, tố cáo	0	0	0	0	0	0	0		0	0	0		0	0	0	
62	Văn bản, chứng chỉ	0	0	0	0	0	0	0		0	0	0		0	0	0	
63	Văn hóa xã hội	0	0	0	0	0	0	0		0	0	0		0	0	0	
64	Việc làm	0	0	0	0	0	0	0						0	0	0	
65	Xây dựng	0	0	0	0	0	0	0						0	0	0	
66	Văn phòng dân g ký đất đai	2730	890	1840	2.109	320	1680	109	0	0	0	0	0	621	600	21	
II	Xã, Phường	12640	890	12640	12640	0	12640	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Hộ tịch	981	890	981	981	-	981	-		-	-	-		-	-		
2	Tài nguyên & Môi trường	640	-	640	640	-	640	-		-	-	-		-	-		
3	Lao động TBXH	351	-	351	351	-	351	-		-	-	-		-	-		
4	Văn phòng, chứng thực	10.668	-	10.668	10.668	-	10.668	-		-	-	-		-	-		

78

THÔNG KÊ SỐ LƯỢNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THEO CÁC TIÊU CHÍ THỰC HIỆN CCHC
(kèm theo Báo cáo số **346** /BC - UBND ngày **02** /06 /2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Giang)

Phụ lục 2



Tiêu chí

STT		Tổng số	Chia ra theo đơn vị			Ghi chú
			Phòng ban chuyên môn	Đơn vị trực thuộc	UBND cấp xã	
1	Số cơ quan trong kế hoạch kiểm tra CCHC được phê duyệt	8			8	
2	Số cơ quan được kiểm tra về CCHC	0			0	
3	Số cơ quan công khai đầy đủ, đúng quy định bộ TTHC tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	9		1	8	
4	Số cơ quan chuyên môn trong kế hoạch kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động	11	11			
5	Số cơ quan được kiểm tra về tình hình tổ chức và hoạt động	0	0			
6	Số cơ quan có cơ cấu công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	19	11		8	
7	Số đơn vị sự nghiệp dịch vụ công trực thuộc có cơ cấu viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	5		5		
8	Số cơ quan thực hiện đúng cơ cấu công chức được phê duyệt	19	11		8	
9	Số đơn vị sự nghiệp dịch vụ công trực hiện đúng cơ cấu viên chức được phê duyệt	2		2		
10	Số cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp dịch vụ công và tương đương thực hiện đúng quy định về tuyển dụng công chức, viên chức	21	11	2	8	
11	Số cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp dịch vụ công thực hiện đúng quy định về sử dụng, bổ nhiệm, khen thưởng và các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức	21	11	2	8	
12	Số cơ quan hành chính thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo ND 130	19	11		8	
13	Số cơ quan hành chính ban hành quy chế chi tiêu nội bộ để triển khai cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo ND 130	19	11		8	

[Handwritten signature]

14	Số cơ quan hành chính ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao làm căn cứ trả thu nhập tăng thêm cho công chức	19	11				8	
15	Số đơn vị sự nghiệp thực hiện cơ chế tự chủ tự chịu trách nhiệm theo NĐ 16	2		2				
16	Số đơn vị sự nghiệp công lập ban hành quy chế chi tiêu nội bộ	2		2				
17	Số đơn vị nghiệp công lập ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động	2		2				
18	Số tổ chức khoa học và công nghệ công lập cấp tỉnh, cấp huyện được phê duyệt đề án chuyển đổi tổ chức và hoạt động theo NĐ 115	0						
19	Số tổ chức khoa học và công nghệ công lập ban hành quy chế chi tiêu nội bộ	0						
20	Số tổ chức khoa học và công nghệ công lập ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động	0						
21	Số cơ quan triển khai ứng dụng phần mềm quản lý văn bản	21	11	2			8	
22	Số cơ quan sử dụng mạng nội bộ (mạng Lan) để trao đổi công việc	21	11	2			8	
23	Số cơ quan có cổng (hoặc trang) thông tin điện tử	9	1				8	UBND thành phố và xã, phường
24	Số cơ quan chuyên môn được cấp chứng chỉ ISO	19	11				8	UBND thành phố và xã, phường
25	Số đơn vị thực hiện đúng quy định ISO trong hoạt động	19	11				8	UBND thành phố và xã, phường
26	Số cơ quan có giải quyết công việc liên quan trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp triển khai cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	9	1				8	
27	Số đơn vị triển khai cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	1	1					UBND TP
28	Số đơn vị cấp xã triển khai cơ chế, cơ chế một cửa liên thông	8					8	
29	Số cơ quan chuyên môn đạt yêu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định	11	11					
30	Số huyện thực hiện mô hình một cửa hiện đại	1	1					UBND TP

[Handwritten signature]

THÔNG KÊ SỐ LƯỢNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC

(Kèm theo Báo cáo số **546**/BC-UBND ngày **02** / 06/ 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Giang)

Nội dung

Tổng số

Ghi chú

STT			
1	Số phòng, ban chuyên môn thuộc thành phố	11	
2	Số đơn vị sự nghiệp thuộc thành phố	2	

[Signature]

SỐ LƯỢNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Báo cáo số **546/BC-UBND** ngày **02/06/2020** của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Giang)

STT		Tổng số	Chia theo cấp hành chính			Tỷ lệ % (so với tổng số TTHC trong bộ TTHC)	Ghi chú
			UBND tỉnh	UBND TP	UBND xã, phường		
1	Số TTHC được công khai niêm yết đầy đủ, đúng quy định tại đơn vị, trên Cổng thông tin điện tử hoặc Trang thông tin điện tử	304		304	167	100%	
2	Số TTHC ở cơ quan, đơn vị được giải quyết theo cơ chế một cửa	471		304	167	100%	
3	Số TTHC ở cơ quan, đơn vị được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông	17		17		100%	
4	Số TTHC ở cơ quan, đơn vị được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông hiện đại	17		17		100%	

CÁC VẤN ĐỀ XỬ LÝ TRONG QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ CCHC

(kèm theo Báo cáo số **546**/BC-UBND ngày **02**/06/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Giang)



STT	Tiêu chí	Tổng số	Đã xử lý/đã thực hiện	Tỷ lệ % so với tổng số	Ghi chú
1	Số vấn đề đặt ra sau kiểm tra cải cách hành chính	0			
2	Số phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị	0			
3	Số vấn đề phát hiện sau kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động ở cơ quan chuyên môn thành phố	0			
4	Số vấn đề phát hiện sau khi rà soát văn bản quy phạm pháp luật tại đơn vị	0			
5	Số vấn đề phát hiện sau khi tiến hành kiểm tra văn bản QPPL tại đơn vị	0			
6	Số quy định của Chính phủ về phân cấp được hiện tại đơn vị	0			
7	Số văn bản QPPL được triển khai thực hiện tại đơn vị	0			
8	Số văn bản QPPL thực hiện tại đơn vị được kiểm tra	0			
9	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra việc thực hiện văn bản QPPL tại đơn vị	0			

Handwritten signature/initials.

SỐ LƯỢNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

(Kèm theo Báo cáo số **546**/BC-UBND ngày **02**/06/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Giang



STT	Nội dung	Loại văn bản		Tổng cộng
		Nghị quyết	Quyết định	
I	Số văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành	0	0	0
1	Thành phố	0	0	0
2	Xã, phường	0	0	0
II	Số văn bản quy phạm pháp luật đã được rà soát	0	0	0
1	Tự bãi bỏ	0	0	0
2	Tự sửa đổi	0	0	0
3	Đề nghị cấp trên sửa đổi hoặc bãi bỏ	0	0	0

[Handwritten signature]

SỐ LIỆU THU HÚT NHÂN TÀI

(Kèm theo Báo cáo số **546**/BC-UBND ngày **12**/06/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Giang)



STT	ĐỐI TƯỢNG	TỔNG SỐ	GHI CHÚ
I	Đối tượng thu hút	0	
1	Giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ	0	
2	Sinh viên tốt nghiệp đại học loại giỏi	0	
3	Bác sĩ chuyên khoa	0	
II	Tuyển mới	0	
1	Tiến sĩ	0	
2	Thạc sĩ	0	
3	Sinh viên tốt nghiệp đại học loại giỏi	0	